

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 307/2026/DS-PT

Ngày 24 - 4 - 2026.

Về việc “Yêu cầu tuyên bố văn bản thoả thuận phân chia di sản vô hiệu; Tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thế Phương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Trung
Bà Bùi Lan Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Linda - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2026/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố văn bản thoả thuận phân chia di sản vô hiệu; Tranh chấp chia di sản thừa kế và yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 112/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 260/2026/QĐXXPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 351/2026/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1976.

2/ Ông Ngô Văn N1, sinh năm 1982.

3/ Bà Ngô Thị H, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Tổ I, ấp L, xã P, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1/ Ông Dương Anh K, sinh năm 1984.

2/ Ông Phan Trọng M, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Phòng G, Tầng trệt, Tòa nhà A Space O, số 01 B, đường số C, khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Luật sư Trần Thị T - Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H.

- *Bị đơn:*

1/ Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1978.

2/ Ông Ngô Văn T6, sinh năm 1955;

Cùng địa chỉ: Tổ I, ấp L, xã P, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1, ông T6 (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 19/3/2026 và ngày 20/3/2026): bà Nguyễn Thị Phương U, sinh năm 2000.

Địa chỉ: 9/2/76, tổ C, khu phố A, phường T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số B đường N, khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn: Luật sư Lê Duy B - Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Văn phòng C3.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu H2 - Trưởng văn phòng.

Địa chỉ: Số D đường P, tổ F, ấp V, xã T, tỉnh Đồng Nai.

2/ Ông Trịnh Văn T1, sinh năm 1989.

3/ Ông Nguyễn Trung H3, sinh năm 2001.

4/ Bà Hồ Thị Hồng N2, sinh năm 1999.

5/ Ông Trần Minh C, sinh năm 2011.

6/ Ông Ngô Trung T2, sinh năm 2005.

7/ Ông Trần Cao P, sinh năm 1974.

8/ Cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 2012.

9/ Cháu Nguyễn Hoàng N3, sinh năm 2009.

10/ Bà Nguyễn Thị Kim N4, sinh năm 1986.

11/ Cháu Ngô Thiện N5, sinh năm 2009.

12/ Cháu Ngô Hoàng Thị Anh T3, sinh năm 2012.

13/ Bà Trần Thị Thúy O1, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Không có số nhà, tổ I, ấp L, xã P, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trịnh Văn T1, ông Ngô Trung T2, ông Trần Cao P, bà Nguyễn Thị Kim N4 (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 25/10/2023): Ông Dương Anh K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Phòng G, Tầng trệt, Tòa nhà A Space O, số 01 B, đường số C, khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Đồng thời cũng là người đại diện cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T1, ông T2, ông P, bà Kim N4) trình bày:

Bà Nguyễn Thị Cẩm N, ông Ngô Văn N1 và bà Ngô Thị H là con ruột của bà Thái Thị N6 với ông Nguyễn Văn M1 và bà Thái Thị N6 với ông Ngô Văn T6. Bà Thái Thị N6 có 02 thời kỳ hôn nhân:

Thời kỳ hôn nhân thứ nhất với ông Nguyễn Văn M1: Bà Thái Thị N6 và ông Nguyễn Văn M1 kết hôn vào năm 1975 tại xã B, huyện M, tỉnh Long An. Bà N6 (sinh năm 1959, mất năm 2018), ông M1 (năm sinh không nhớ, mất năm 1978). Trong thời kỳ hôn nhân bà N6 và ông M1 có 02 người con chung gồm bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1976 và ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm: 1978. Ngoài ra, trong thời kỳ hôn nhân với ông M1, bà N6 không có con nuôi. Cha mẹ bà N6 là ông Thái Văn L (sinh năm 1922 - mất năm 1977), mẹ Huỳnh Thị Á (sinh năm 1920 - mất năm 2010).

Thời kỳ hôn nhân thứ hai với ông Ngô Văn T6: Bà Thái Thị N6 và ông Ngô Văn T6 kết hôn vào năm 1981. Trong thời kỳ hôn nhân, bà N6 và ông T6 có 02 người con chung gồm: Ông Ngô Văn N1, sinh năm 1982 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1983. Ngoài ra, Trong thời kỳ hôn nhân với ông T6, bà N6 không có con nuôi. Cha mẹ bà Thái Thị N6 đã chết. Cha Thái Văn L (sinh năm 1922 - mất năm 1977), mẹ Huỳnh Thị Á (sinh năm 1920 - mất năm 2010).

Trong thời kỳ hôn nhân với ông T6, bà N6 có khối tài sản sau đây: thửa đất số 127; 128; 147; 148; 149; 150; 172; 173 tờ bản đồ số 54 xã P.

Phần quyền sử dụng đất của bà Thái Thị N6 trong khối tài sản chung của hộ gia đình, với số tờ bản đồ, số thửa, diện tích mét vuông được liệt kê: Tổng toàn bộ diện tích: 32.162 m² (Ba mươi hai ngàn một trăm sáu mươi hai mét vuông). Toàn bộ diện tích này có nguồn gốc được gia đình nguyên đơn nhận chuyển nhượng lại từ hộ gia đình ông Lê Hữu T4 vào năm 2000, sau đó đã được Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R848737 ngày 11/10/2001 cho hộ gia đình bà Thái Thị N6, bà Thái Thị N6 đại diện đứng tên. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ gia đình bà Thái Thị Ngọc G có 06 nhân khẩu: Bà Thái Thị N6, ông Ngô Văn T6, bà Nguyễn Thị Cẩm N, ông Nguyễn Hoàng V, ông Ngô Văn N1 và bà Ngô Thị H.

Thời điểm mở thừa kế và thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người thừa kế là thời điểm bà Thái Thị Ngọc C1 ngày 06/01/2018 theo Trích lục khai tử số: 01/2018 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/01/2018.

Nguồn gốc, thời gian có các thửa đất và người trực tiếp quản lý sử dụng cho đến khi bà Thái Thị Ngọc C1: Các thửa đất: 127, 128, 147, 148, 149, 150, 172, 173 tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại: Xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R848737 ngày 11/10/2001 cho hộ gia đình bà Thái Thị N6, bà Thái Thị N6 đại diện đứng tên. Vậy các thửa đất trên có nguồn gốc cấp cho Hộ gia đình bà Thái Thị N6, thời gian từ ngày 11/10/2001 cho đến khi bà N6 chết thì do các thành viên trong hộ gia đình gồm bà Thái Thị N6, ông Ngô Văn T6, bà Nguyễn Thị Cẩm N, ông Nguyễn Hoàng V, ông Ngô Văn N1 và bà Ngô Thị H quản lý sử dụng, canh tác trên đất.

Hiện nay, trên đất có trồng cây ăn trái gồm:

Vườn cam và vườn bưởi nằm trên các thửa đất số 127, 147, 149, 172, 173, 148 thuộc tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại: Xã P, huyện V. Tất cả số cây cam và B1 đều do ông Ngô Văn T6 và vợ chồng ông Ngô Minh N7 trồng vào trước năm 2018. Sau khi trồng bưởi, cam thì vợ chồng ông Ngô Minh N7 và ông Ngô Văn T6 chăm sóc. Cho đến khi các thửa đất này cấp đổi lại cho ông Ngô Văn T6 thì ông T6 nói đất của ông nên không cho vợ chồng Ngô Văn N1 canh tác và hưởng trái, hiện nay do ông T6 quản lý vườn cam, còn vườn bưởi bỏ hoang.

Ngoài ra, còn có bất động sản là 05 căn nhà, gồm:

+ Căn thứ 01: Nhà thờ, diện tích khoảng 25m², do bà Thái Thị N6 và Ngô Văn T6 xây dựng vào năm 2011. Hiện nay, do ông T6 quản lý thửa đất số 149 bản đồ số 54, tọa lạc tại: Xã P, huyện V.

+ Căn thứ 02: Nhà kiểu T5, diện tích khoảng 140m², do bà Thái Thị Ngọc Ngô Văn T6 xây dựng vào năm 2012 và có sự đóng góp của vợ chồng ông Ngô Văn N1. Vợ chồng ông N1 đóng góp khoảng 100.000.000 đồng, còn lại là của ông T6 bà N6. Nay giá trị căn nhà khoảng 600.000.000 đồng. Phần giá trị căn nhà bà N6 để lại là 250.000.000 đồng, còn lại là của ông T6 250.000.000 đồng và của vợ chồng ông N1 là 100.000.000 đồng. Bà N6, ông T6, vợ chồng ông N1 và các con của ông N1 sinh sống trên căn nhà này cho đến khi bà N6 chết. Hiện nay, căn nhà do ông T6, vợ chồng ông N1 và các con ông N1 quản lý, sử dụng thuộc một phần thửa đất 150, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại: Xã P, huyện V.

+ Căn thứ 3: Nhà cấp 4, diện tích khoảng 100m², do bà Nguyễn Thị Cẩm N xây dựng vào năm 2009. Hiện nay, bà N cùng các con đang quản lý, sử dụng, thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại: Xã P, huyện V.

+ Căn thứ 4: Nhà cấp 4, diện tích khoảng 90m², do bà Thái Thị N6 và ông Ngô Văn T6 xây dựng năm 2006. Hiện nay, ông V cùng vợ và 02 con đang quản lý, sử dụng thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại: Xã P, huyện V.

+ Căn thứ 5: Căn nhà cấp 4, có diện tích khoảng 105m², do bà Ngô Thị H xây dựng năm 2011. Hiện nay, bà H cùng chồng là ông Trần Cao P và 02 con đang quản lý, sử dụng thuộc thửa đất 128, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại: Xã P, huyện V.

Hiện nay, có tất cả 05 hộ gia đình và các thành viên đang sinh sống, gồm:

+ Hộ thứ nhất, hộ bà Nguyễn Thị Cẩm N, gồm: Nguyễn Thị Cẩm N, Trịnh Văn T1, Hồ Thị Hồng N2, Nguyễn Trung H3.

+ Hộ thứ hai, hộ ông Ngô Văn N1, gồm: Ngô Văn N1, Nguyễn Thị Kim N4, Ngô Thiện N5, Ngô Hoàng Thị Anh T3.

+ Hộ thứ ba, hộ bà Ngô Thị H, gồm: Bà Ngô Thị H, Trần Cao P, Ngô Trung T2, Trần Cao M2.

+ Hộ thứ tư, hộ ông Nguyễn Hoàng V, gồm: Nguyễn Hoàng V, Trần Thị Thúy O1, Nguyễn Hoàng N3, Nguyễn Hoàng Q.

+ Hộ thứ 5, hộ ông Ngô Văn T6: Chỉ có một thành viên là ông Ngô Văn T6.

Sau khi bà N6 chết, ông Ngô Văn T6 và ông Nguyễn Hoàng V (là những hàng thừa kế thứ nhất với nguyên đơn) họp gia đình và nói với nguyên đơn rằng: Nên lập thỏa thuận phân chia di sản của bà N6 để cho 02 ông đứng tên, rồi sau đó ông T6 và ông V sẽ làm thủ tục tách thửa và chia đều cho mỗi người được hưởng phần di sản

của bà N6 để lại và phân tài sản chung của hộ gia đình. Nên hiện nay thửa đất 128, 150 tờ bản đồ số 54 do ông Nguyễn Hoàng V đứng tên, còn các thửa đất 127, 147, 148, 149, 172, 173 tờ bản đồ số 54 (cũ) nay là thửa đất số 272 tờ bản đồ số 54 mới để ông Ngô Văn T6 đứng tên. Vì là cha con, anh em trong gia đình nên nguyên đơn mới đồng ý để ông T6 và ông V làm thủ tục, nguyên đơn cũng phải đóng góp tiền để cho hai ông làm thủ tục. Nhưng sau khi làm xong các giấy tờ thì ông T6, ông V lại đuổi các nguyên đơn ra khỏi nhà mà các nguyên đơn đã xây dựng và sinh sống từ trước cho đến nay để chiếm đất và nhà, tài sản trên đất.

Để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của mình, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

+ Yêu cầu thứ nhất: Tuyên văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 27/6/2019, số công chứng: 002683, quyền số: 06/TP/CC-SCC/HĐGD Văn phòng C3, được công chứng viên Nguyễn Hữu H2 chứng nhận vô hiệu do vi phạm Luật Công chứng 2015 quy định về Người yêu cầu công chứng, người làm chứng, người phiên dịch.

Cụ thể theo khoản 2 Điều 47: “2. Trường hợp người yêu cầu công chứng không đọc được, không nghe được, không ký, điểm chỉ được hoặc trong những trường hợp khác do pháp luật quy định thì việc công chứng phải có người làm chứng. Người làm chứng phải là người từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến việc công chứng. Người làm chứng do người yêu cầu công chứng mời, nếu người yêu cầu công chứng không mời được thì công chứng viên chỉ định”.

Lý do: Ông Ngô Văn N1 - Người yêu cầu công chứng là người không biết chữ, không đọc được. Việc ông N1 không biết chữ, không đọc được thể hiện tại giấy ủy quyền lập ngày 11/5/2021 tại Văn phòng C3, tỉnh Đồng Nai, Công chứng viên bắt buộc chỉ định người làm chứng mới thực hiện công chứng giao dịch giấy ủy quyền. Hơn nữa, các nguyên đơn từ trước cho đến nay vẫn sinh sống trên căn nhà mà mình xây dựng, ngoài ra các nguyên đơn không còn nhà và đất ở chỗ nào khác. Do đó, văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 27/6/2019, số công chứng: 002683, quyền số : 06/TP/CC-SCC/HĐGD Văn phòng C3, được công chứng viên Nguyễn Hữu H2 chứng nhận vô hiệu vì ông V, ông T6 đã lừa dối.

+ Yêu cầu thứ hai: Chia thừa kế theo pháp luật di sản của bà Thái Thị N6 là 1/6 giá trị quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung của hộ gia đình 32.162m² (Ba mươi hai ngàn một trăm sáu mươi hai mét vuông) và khoảng 5.360 m² đất là toàn bộ diện tích thửa 148 (5164m²), cộng với 196 m² thửa 173, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại: Xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai, giá trị khoảng 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng. Cụ thể hàng thừa kế thứ nhất của bà Thái Thị Ngọc N8 sau:

Ngày 06/01/2018, bà Thái Thị Ngọc C1 không để lại di chúc. Cha mẹ đẻ bà N6 là ông Thái Văn L1, đã chết năm 1976 và mẹ bà Huỳnh Thị A1, đã chết năm 2010. Bà N6 không có cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 về Người thừa kế theo pháp luật thì hàng thừa kế thứ nhất của bà Thái Thị N6 còn có 05 người, gồm: Ông Ngô Văn T6 (Chồng bà N6, còn sống tại thời điểm bà N6 chết), bà Nguyễn Thị Cẩm N

(Con đẻ của bà N6, còn sống tại thời điểm bà N6 chết), ông Nguyễn Hoàng V (Con đẻ của bà N6, còn sống tại thời điểm bà N6 chết), ông Ngô Văn N1 (Con đẻ của bà N6, còn sống tại thời điểm bà N6 chết), bà Ngô Thị H (Con đẻ của bà N6, còn sống tại thời điểm bà N6 chết).

Như vậy, di sản thừa kế 5.360 m² đất của bà Thái Thị N6 sẽ được chia đều cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất như sau:

. Bà Nguyễn Thị Cẩm N được hưởng 1.100m² đất, trị giá khoảng 51.000.000 (năm mươi một triệu) đồng; thuộc một phần thừa đất số 148, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại: Xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

. Ông Ngô Văn N1 được hưởng 1.100m² đất, trị giá khoảng 51.000.000 (năm mươi một triệu) đồng; thuộc một phần thừa đất số 148, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại: Xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

. Bà Ngô Thị H được hưởng 1.100m² đất, trị giá khoảng 51.000.000 (năm mươi một triệu) đồng, thuộc một phần thừa đất số 148, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại: Xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

+ Yêu cầu thứ ba: Chia tài sản chung của Hộ gia đình diện tích 26.802m² đất (Hai mươi sáu ngàn tám trăm lẻ hai mét vuông) còn lại sau (khi trừ 5.360 m²) thuộc các thửa 127, 128, 147, 149, 172, 173, 150 tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại: Xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Cụ thể như sau:

1/ Chia cho bà Nguyễn Thị Cẩm N diện tích khoảng 5.360 m² đất là toàn bộ thửa đất số 127 có diện tích 4.713 m² (Trên thửa đất này có căn nhà của bà Nguyễn Thị Cẩm N9 xây dựng năm 2009), gia đình bà N9 được tiếp tục sử dụng, quản lý, sở hữu căn nhà và đất và 627m² thửa số 147 tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại: Xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai, trị giá khoảng 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

2/ Chia cho ông Ngô Văn N1 diện tích khoảng 5.360 m² đất là 2.360 m² thửa 150 (Trên đất có căn nhà mà vợ chồng con cái ông N1 đang ở), gia đình ông N1 tiếp tục được sử dụng, quản lý, sở hữu căn nhà và 3.000 m² thửa 149 thuộc tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại: Xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai, trị giá khoảng 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu đồng).

3/ Chia cho bà Ngô Thị H diện tích khoảng 5.360 m² đất là 969m² thửa 128 (Trên đất có căn nhà mà gia đình bà H xây dựng năm 2011), gia đình bà H tiếp tục được sử dụng, quản lý, sở hữu căn nhà trên đất và toàn bộ thửa 147 diện tích 3.007 m²) cộng với 1.384 m² thửa 173 thuộc một phần thửa 173 tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại: Xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai, trị giá khoảng 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Hiện nay, phần tài sản chung này đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn T6 và ông Nguyễn Hoàng V vào năm 2019.

Còn đối với phần căn nhà thờ diện tích 25m² nằm trên một phần thửa 149 tờ bản đồ số 54 tại xã P đề nghị không yêu cầu chia mà để dùng vào thờ cúng.

Đại diện nguyên đơn đồng ý với bản đồ đo vẽ, chứng thư thẩm định giá và đề nghị Tòa án sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Về chi phí tố tụng và án phí đề nghị theo quy định của pháp luật giải quyết.

- Bị đơn ông Ngô Văn T6 và người đại diện theo uỷ quyền của ông T6 trình bày:

Ông T6 và bà Thái Thị Ngọc C2 sống với nhau từ năm 1991, khi đó bà N6 có 04 người con riêng, ông T6 và bà N6 không có con chung. Nay bà H và ông N1 khẳng định là con chung của ông T6 với bà N6 là không đúng sự thật, vì đã có kết luận giám định ADN. Vào năm 1998, ông T6 cùng vợ là bà N6 cùng mua một miếng đất tọa lạc tại tổ I, ấp L, xã P, huyện V của ông Lê Hữu T4 và từ khi mua đất của ông T4 thì ông T6 và bà N6 là người quản lý sử dụng, năm 2018 bà N6 qua đời thì ông T6 vẫn trực tiếp quản lý, sử dụng cho tới khi các con riêng của bà N6 kêu ông T6 ra ký giấy tách ra làm hai phần, phần của bà N6 ra cho mấy người con riêng của bà N6 là thửa đất số 128, 150 tờ số 54 cho bốn đứa, nhưng chỉ có một đứa tên là Nguyễn Hoàng V đứng tên sổ đỏ và một phần của ông T6 là thửa đất số 272 tờ bản đồ 54 phần này ông T6 đứng tên và được toàn quyền sử dụng đất. Theo ý của các con bà N6, cụ thể là ông N1, bà H, bà N9 đề nghị phân chia lại thì ông T6 không đồng ý, còn nếu đề nghị phân chia lại phần di sản của bà N6 như đã phân chia trước đây thì ông T6 đồng ý và không có ý kiến gì. Còn đề nghị Tòa án hủy văn bản thỏa thuận chia di sản do bị lừa dối, với lý do ông N1 không biết chữ là hoàn toàn không có cơ sở đề nghị Tòa án bác yêu cầu này. Đối với yêu cầu chia tài sản chung vì cho rằng đất cấp cho hộ gia đình là không có cơ sở để chấp nhận. Vì đất này do ông T6 và bà N6 mua của ông T4 vào năm 1998 và được cấp sổ năm 2001 nhưng đến năm 2004 thì các nguyên đơn mới về nhập khẩu tại xã P. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện theo uỷ quyền của ông T6 đồng ý với bản đồ đo vẽ, chứng thư thẩm định giá và đề nghị Tòa án sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Về chi phí tố tụng và án phí đề nghị theo quy định của pháp luật giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Hoàng V trình bày:

Vào ngày 27/6/2019 bốn anh em của ông cùng với ông T6 là cha nuôi cùng thống nhất ra Văn phòng công chứng để chia tài sản sau khi mẹ ông là bà Thái Thị Ngọc M3 và các bên đã thống nhất ông T6 một phần và ông một phần, các bên đã cùng nhất trí và cùng ra Văn phòng công chứng ký giấy, các bên đều tự nguyện, không ai bị ép buộc hay bị lừa dối. Khi ra Văn phòng công chứng được công chứng viên giải thích rất rõ và đọc cho tất cả nghe và chúng tôi cũng tự đọc cho nhau nghe xong cùng nhất trí ký tên. Sau đó ông về khoảng hơn 01 năm sau bị mất sổ đỏ nên ông có đi làm lại sổ đỏ và được các nguyên đơn hỗ trợ ký lại cho ông, trong thời gian này cũng không ai có ý kiến gì. Nay nguyên đơn lại yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản nêu trên vì cho rằng ông N1 không biết chữ nên lừa dối ông N1 là ông không đồng ý, khi ký văn bản thỏa thuận các bên đều tự nguyện, nếu ông N1 không biết chữ thì còn bà N9, bà H cùng có mặt và được công chứng viên giải thích cụ thể. Ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế là không có cơ sở để chấp nhận đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông đồng ý với bản đồ đo vẽ, chứng thư thẩm định giá và đề nghị Tòa án sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Về chi phí tố tụng và án phí đề nghị theo quy định của pháp luật giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C3 do người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 04/6/2019, nhận được yêu cầu công chứng về soạn thảo Văn bản thoả thuận phân chia di sản theo yêu cầu của ông Ngô Văn T6. Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Theo trình tự thủ tục, Công chứng viên yêu cầu người yêu cầu công chứng xuất trình giấy tờ tùy thân của những người có liên quan, sổ hộ khẩu, giấy đăng ký kết hôn, giấy chứng tử, giấy tờ chứng minh quan hệ giữa người để lại di sản và người được hưởng di sản theo quy định của pháp luật về thừa kế, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người để lại di sản ...

Sau khi Công chứng viên phải kiểm tra để xác định người để lại di sản đúng là người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản và những người yêu cầu công chứng đúng là người được hưởng di sản. Công chứng viên sẽ tiến hành soạn thảo Văn bản thoả thuận phân chia di sản theo yêu cầu và xác định ai sẽ là người được hưởng di sản theo yêu cầu của người yêu cầu công chứng. Trước khi cho mọi người ký tên và điểm chỉ vào Văn bản công chứng, công chứng viên sẽ yêu cầu những người có liên quan kiểm tra và đọc lại Văn bản.

Những người thừa kế sau khi kiểm tra Văn bản thoả thuận phân chia di sản sẽ tự nguyện ký vào Văn bản công chứng trước mặt công chứng viên tại trụ sở Văn phòng C3.

Văn phòng C3 sẽ tiến hành niêm yết công khai Văn bản Thỏa thuận phân chia di sản trong thời hạn theo quy định của pháp luật là 15 ngày. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết, nếu không có bất kỳ khiếu nại, tố cáo nào về việc: bỏ sót, giấu giếm người được hưởng di sản thừa kế, bỏ sót di sản thừa kế, di sản thừa kế không thuộc quyền sử dụng của người để lại di sản, thì Văn phòng C3 sẽ chứng nhận theo yêu cầu của người yêu cầu công chứng.

Quy trình công chứng thực hiện đúng theo thủ tục quy định tại Điều 40, 41 và Điều 57 Luật Công chứng 2014 và quy định tại Điều 18 Nghị định 29/2015 ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Công chứng 2014 về việc niêm yết việc thụ lý chứng nhận văn bản thừa kế.

Nguyên đơn yêu cầu tuyên Văn bản thoả thuận phân chia di sản ngày 27/6/2019, số công chứng 002683, quyền số 06/TP-CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C3 vô hiệu và phân chia lại di sản của bà Thái Thị N6 theo pháp luật là không có căn cứ. Vì vậy, Văn phòng C3 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:

Hiện tại họ chỉ là người đang sinh sống trên đất tranh chấp, họ không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với tài sản đang tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 112/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai đã căn cứ Điều 26, 35, 39, 85, 86, 147, 157, 165, 227, 228, 269, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 116,

117, 118, 119, 122, 123, 127, 132, 221, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự; Điều 166 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về việc:

- Yêu cầu tuyên văn bản thỏa thuận phân chia di sản vô hiệu giữa ông Ngô Văn T6, bà Nguyễn Thị Cẩm N, ông Nguyễn Hoàng V, ông Ngô Văn N1 và bà Ngô Thị H do Văn phòng C3 công chứng số: 002683, quyển số 06 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27 tháng 6 năm 2019.

- Yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất.

- Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật.

2/ Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị Kim N4, ông Ngô Văn N1, bà Ngô Thị H phải chịu, bà N4, ông N1, bà H đã nộp đủ.

Buộc ông Ngô Văn N1 và bà Ngô Thị H phải có trách nhiệm liên đới trả lại ông Ngô Văn T6 số tiền 13.060.000 đồng, mỗi người là 6.530.000 đồng.

3/ Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu án phí theo quy định là (300.000 đồng + 71.077.500 đồng + 19.692.500 đồng = 91.070.000 đồng) được trừ đi phần tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0003776 ngày 01/11/2021 và 8.775.000 đồng tại biên lai số 0003777 ngày 01/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Còn lại bà N phải nộp tiếp số tiền là 81.995.000 đồng.

- Bà Ngô Thị H phải chịu án phí theo quy định là (300.000 đồng + 71.077.500 đồng + 19.692.500 đồng = 91.070.000 đồng) được trừ đi phần tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0003781 ngày 01/11/2021 và 8.775.000 đồng tại biên lai số 0003780 ngày 01/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Còn lại bà H phải nộp tiếp số tiền là 81.995.000 đồng.

- Ông Ngô Văn N1 phải chịu án phí theo quy định là (300.000 đồng + 71.077.500 đồng + 19.692.500 đồng = 91.070.000 đồng) được trừ đi phần tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0003778 ngày 01/11/2021 và 14.020.000 đồng tại biên lai số 0003779 ngày 01/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Còn lại ông N1 phải nộp tiếp số tiền là 76.750.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Kháng cáo:

Ngày 30/9/2025 nguyên đơn là bà Ngô Thị H, bà Nguyễn Thị Cẩm N, ông Ngô Văn N1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày xin thay đổi yêu cầu kháng cáo, cụ thể đề nghị không xem xét lại nội dung bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Phần phát biểu của Luật sư bảo vệ quyền lợi nguyên đơn: Tại phiên toà hôm nay, đại diện nguyên đơn đã có ý kiến về yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng

xét xử xem xét ghi nhận ý kiến của đại diện nguyên đơn là không xem xét lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bị cấp sơ thẩm bác, chỉ đề nghị sửa bản án sơ thẩm về án phí vì việc buộc bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm không đúng với quy định của pháp luật.

Phần phát biểu của Luật sư bảo vệ quyền lợi bị đơn: Về đường lối giải quyết, bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, tại phiên tòa hôm nay đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cũng yêu cầu không xem xét lại về nội dung mà nguyên đơn bị bác yêu cầu khởi kiện, chỉ đề nghị xem xét lại phần án phí sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật, nên không có ý kiến gì tranh luận thêm.

Phần phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện việc thụ lý, phân công Thẩm phán làm chủ tọa giải quyết vụ án, đảm bảo quyền kháng cáo. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định. Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo đúng thành phần, vô tư, khách quan và không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng; đồng thời, thủ tục phiên tòa được thực hiện đầy đủ và đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

. Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên thể hiện trong bài phát biểu đã được nêu công khai tại phiên tòa. Tóm lại, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đã thay đổi tại phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là bà Ngô Thị H, bà Nguyễn Thị Cẩm N, ông Ngô Văn N1 làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Cao P, bà Nguyễn Thị Kim N4 có mặt. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, nhận thấy:

Bản án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá và xác định Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 27/6/2019, số công chứng 002683, quyền số 06/TP-CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C3 là đúng quy định của pháp luật, không bị vô hiệu. Từ cơ sở đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Yêu cầu tuyên văn bản thỏa thuận phân chia di sản vô hiệu; yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật” là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của nguyên đơn cũng xác định yêu cầu kháng cáo là không yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung yêu cầu khởi kiện đã bị cấp sơ thẩm bác nên ghi nhận, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung này.

[4] Về chi phí tố tụng: Bản án sơ thẩm giải quyết phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định “Khi các bên đương sự không xác định được phần tài sản của mình hoặc mỗi người xác định phần tài sản của mình trong khối tài sản chung, phần di sản của mình trong khối di sản thừa kế là khác nhau và có một trong các bên yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, di sản thừa kế đó thì mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế. Đối với phần Tòa án bác yêu cầu thì người yêu cầu chia tài sản chung, di sản thừa kế không phải chịu án phí sơ thẩm. Trường hợp Tòa án xác định tài sản chung, di sản thừa kế mà đương sự yêu cầu chia không phải là tài sản của họ thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch”. Bản án sơ thẩm tuyên buộc nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu chi tài sản chung, chia di sản thừa kế bị bác là không đúng với quy định.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về án phí. Chỉ buộc mỗi nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch đối với mỗi yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 300.000 đồng. Như vậy, mỗi nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng về yêu cầu tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản vô hiệu bị bác, 300.000 đồng về yêu cầu chia tài sản chung bị bác và 300.000 đồng về yêu cầu chia tài sản thừa kế bị bác.

- Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn, bị đơn là phù hợp nên ghi nhận.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị H, bà Nguyễn Thị Cẩm N, ông Ngô Văn N1. Sửa Bản án sơ thẩm về án phí.

- Căn cứ các điều 116, 117, 118, 119, 122, 123, 127, 132, 221, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự; Điều 166 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về việc:

- Yêu cầu tuyên văn bản thỏa thuận phân chia di sản vô hiệu giữa ông Ngô Văn T6, bà Nguyễn Thị Cẩm N, ông Nguyễn Hoàng V, ông Ngô Văn N1 và bà Ngô Thị H do Văn phòng C3 công chứng số: 002683, quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27 tháng 6 năm 2019.

- Yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất.

- Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng:

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim N4, ông Ngô Văn N1, bà Ngô Thị H phải chịu chi phí tố tụng (Đã nộp đủ).

- Buộc ông Ngô Văn N1 và bà Ngô Thị H phải có trách nhiệm liên đới trả lại ông Ngô Văn T6 số tiền 13.060.000 đồng, mỗi người là 6.530.000 đồng.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 900.000 đồng (300.000 đồng về yêu cầu tuyên bố Văn bản thỏa phân chia di sản vô hiệu bị bác, 300.000 đồng về yêu cầu chia tài sản chung bị bác và 300.000 đồng về yêu cầu chia tài sản thừa kế bị bác). Số tiền 300.000 đồng và 8.775.000 đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp (Theo biên lai thu số 0003776 ngày 01/11/2021, số 0003777 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đồng Nai) được tính trừ vào án phí phải chịu. Còn lại, hoàn trả cho bà N số tiền là 8.175.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Cẩm N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (Theo biên lai thu số 0007507 ngày 11/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đồng Nai).

- Bà Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 900.000 đồng (300.000 đồng về yêu cầu tuyên bố Văn bản thỏa phân chia di sản vô hiệu bị bác, 300.000 đồng về yêu cầu chia tài sản chung bị bác và 300.000 đồng về yêu cầu chia tài sản thừa kế bị bác). Số tiền 300.000 đồng và 8.775.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp (Theo biên lai thu số 0003781 ngày 01/11/2021, số 0003780 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đồng Nai) được tính trừ vào án phí phải chịu. Còn lại, hoàn trả cho bà H số tiền là 8.175.000 đồng.

Bà Ngô Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (Theo biên lai thu số 0007508 ngày 11/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đồng Nai).

- Ông Ngô Văn N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 900.000 đồng (300.000 đồng về yêu cầu tuyên bố Văn bản thoả phân chia di sản vô hiệu bị bác, 300.000 đồng về yêu cầu chia tài sản chung bị bác và 300.000 đồng về yêu cầu chia tài sản thừa kế bị bác). Số tiền 300.000 đồng và 14.020.000 đồng tạm ứng án phí ông N1 đã nộp (Theo biên lai thu số 0003778 ngày 01/11/2021, số 0003779 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đồng Nai) được tính trừ vào án phí phải chịu. Còn lại, hoàn trả cho ông N1 số tiền là 13.420.000 đồng.

Ông Ngô Văn N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông N1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (Theo biên lai thu số 0007506 ngày 11/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đồng Nai).

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thế Phương